

Số: 09/2020/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 31 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm: 1985; Nghề nghiệp: Giáo viên; Dân tộc: Kinh;

- Bị đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm: 1983; Nghề nghiệp: Giáo viên; Dân tộc: Kinh;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Minh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Minh T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị Thu H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con Phạm Tú A, sinh ngày 08/02/2015 và Phạm Quỳnh T, sinh ngày 08/10/2019. Anh Phạm Minh Tú có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Phạm Tú A với số tiền là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2020 cho tới khi con đủ 18 tuổi, chị Trần Thị Thu H là người nhận tiền cấp dưỡng. Anh Phạm Minh T có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Minh T xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Thu H tự nguyện chịu án phí dân sự ly hôn là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng. Tổng cộng chị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang theo biên lai số: BB/2013/05145 ngày 10 tháng 3 năm 2020. Anh Phạm Minh T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND H.Q;
- Các đương sự (Để thi hành);
- CC.THADS H.Q(Để thi hành);
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Văn Thuận